**SỞ GD & ĐT HÒA BÌNH MA TRẬN, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

**TRƯỜNG PTDTTN THCS B HUYỆN ĐÀ BẮC MÔN: KHTN 6 (Thời gian 90p)**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 1ớp 6 (song song)*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *( 16 câu hỏi nhận biết )*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *Thông hiểu: 3,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

**II. Bản đặc tả**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**NĂM HỌC 2022- 2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** |  | **% tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TG** |
| **1** | **Chủ đề 1: Mở đầu môn KHTN** | 1.1 Giới thiệu về khoa học tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.3.Quy định an toàn trong phòng,….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề 1: Các phép đo** | 2.1. Đo chiều dài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2. Đo khối lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3. Đo thời gian | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | 5% |
| 2.4. Thang nhiệt độ Clesius. Thực hành đo nhiệt độ. | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 7 | 7,5% |
| **3** | **Chủ đề 9: Lực** | 3.1. Lực và biểu diễn lực | 1 |  |  | 1/2 |  |  |  | 1/2 | 1 | 1 | 12,5` |  12,5% |
| **4** | **Chủ đề 2 Các thể của chất** | 4.1Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. tính chất của chất | 2 |  |  | 1/2 |  |  |  |  | 1 | 1/2 | 12 | 12,5% |
| **5** | **Chủ đề 3 Oxygen** | -Oxygen-Không khí và bảo vệ môi trường không khí | 2 |  |  |  |  | 1/4 |  | 1/4 | 1 | 1/2 | 12,5 | 12,5% |
| **6** | **Chủ đề 6: Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống (7 tiết)** | - Tế bào- Thực hành quan sát tế bào sinh vật-  | 3 |  |  | 1 |  |  |  |  | 3 | 1 | 14,5 | 22,5% |
| **7** | **Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)** | - Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào- Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào-.Thực hành quan sát sinh vật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** | **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (17 tiết)** | - Phân loại thế giới sống. - Thực hành xây dựng hóa lưỡng phân | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 14,5 | 12,5% |
| - Vi rut-Vi khuẩn- Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu cácbước làm sữa chua | 2 |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 | 1 | 13 | 10% |
| -. Nguyên Sinh vật | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | 5% |
| **Tổng** | 16 |  |  | 2 |  | 2+1/4 |  | 1+3/4 | 16 |  6 | 90p |  |
| **Tỉ lệ (%)** | 40%(4d) | 30%(3d) | 20%(2d) | 10%(1d) |  |  |  | 100%10d |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I : MÔN KHTN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mô tả** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Chủ đề 1: Mở đầu môn KHTN***07 tiết* | Bài 1: Giới thiệu về KHTN | **\* Nhận biết**- Nêu được khái niệm KHTN- Nêu được vai trò của KHTN trong cuộc sống**Thông hiểu**- Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên thông qua các ví dụ cụ thể.**Vận dụng thấp**- Phân biệt được các vật, sự vật, hiện tượng, quy luật tự nhiên dựa trên môn Khoa học đã học ở Tiểu học |  |  |  |  |
|  | Bài 2: Các lĩnh vực của KHTN | **Nhận biết**- Nêu được các lĩnh vực của KHTN- Nêu được khái niệm vật sống và vật không sống- Đọc được các hình ảnh quy định an toàn trong phòng thực hành- Nhận ra được các qui tắc an toàn và không an toàn trong phòng thí nghiệm.- Biết cách bảo quản kính hiển vi quang học - Phân biệt được các lĩnh vực KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu; - Phân biệt được các vật sống và vật không sống dựa vào các đặc điểm đặc trưng. |  |  |  |  |
|  | Bài 3: Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sự dụng kính lúp và kính hiển vi. | **Nhận biết**- Nêu được khái niệm phòng thực hành- Nêu được các quy định an toàn khi học thực hành- Kể tên một số dụng cụ đo và công dụng của chúng- Nêu được quy trình đo đại lượng vật lí.- Nêu được khái niệm GHĐ, ĐCNN- Nêu được công dụng của kính lúp, kính hiển vi quang học.- Nêu được cách sử dụng kính lúp, kính hiển vi quang học- Nêu được cấu tạo của kính hiển vi quang học.**Thông hiểu**- Đọc được các hình ảnh quy định an toàn trong phòng thực hành- Nhận ra được các qui tắc an toàn và không an toàn trong phòng thí nghiệm.- Biết cách bảo quản kính hiển vi quang học**Vận dụng**- Phân biệt được các kí hiệu ánh báo trong phòng thực hành. - Vận dụng cách sử dụng các dụng cụ thực hành cho phù hợp. - Xác định được GHĐ, ĐCNN của một số dụng cụ- Tiến hành đo thể tích của một số vật.- Tiến hành quan sát các vật nhỏ qua kính lúp, kính hiển vi quang học. **Vận dụng thấp**- Vận dụng kiến thức để xử lý tình huống trong giờ thực hành. |  |  |  |  |
| **Chủ đề 1: Các phép đo***10 tiết* |  | **Nhận biết**- Nêu được cách đo, đơn vị, dụng cụ để đo chiều dài, đo khối lượng, đo thời gian, đo nhiệt độ (câu 3 -TN)- Nêu được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động công dụng của nhiệt kế. (Câu 2 – TN)- Viết được công thức đổi từ độ K sang độ C, Từ độ F sang độ C.- Biết lựa chọn dụng cụ phù hợp để đo. (Câu1-TN)**Thông hiểu**- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ trước khi đo. - Xác định được GHĐ, ĐCNN của các dụng cụ đo.- Biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.- Đổi các đơn vị nhiệt độ theo công thức SGK- So sánh ưu nhược điểm của các loại nhiệt kế thường dùng.**Vận dụng thấp**- Đọc được kết quả khi đo độ dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.-Tiến hành đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.-.Biết biến đổi công thức đổi nhiệt độ. (Câu 1 – TL)**Vận dụng cao**- Xử lí kết quả đo- Phát hiện ra các thao tác sai trong các phép đo.- Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng vật lí trong thực tiễn. | **3TN** |  | **1TL** |  |
| **Chủ đề 9: Lực**(4 tiết) | Lực và biểu diễn lực | **Nhận biết**- Nêu được khái niệm về lực.- Nêu được để biểu diễn lực dùng mũi tên.- Nêu được kì hiệu, đơn vị của lực (Câu 4-TN)- Nêu được các đặc điểm của lực khi biểu diễn lực.**Thông hiểu**- Lấy được VD về lực và goi tên được lực đẩy hoặc kéo. - Xác định được sự đẩy kéo trong 1 trường hợp cụ thể. - Biểu diễn lực bằng hình vẽ. (Câu 2a TL) **Vận dụng thấp**- Mô tả được các hiện tượng trong đời sống có liên quan bằng các thuật ngữ vật lí.**Vận dụng cao**- Từ hình vẽ biểu diễn lực, mô tả bằng lời các đặc điểm của lục tác dụng lên vật. (Câu 2b TL) | **1TN** |  **½ TL** |  | **1/2TL** |
| Chủ đề 2: Các thể của chất | Các thể của chất | **Nhận biết**- Nêu được sự đa dạng của chất *(Câu 5TN)*- Khái niệm sự nóng chảy,sự sôi,bay hơi ngưng tụ*.( Câu 6-TN)***Thông hiểu**- Biết các thể của chất- Biết sự chuyển thể của chất- Hiểu tính chất của chất **Vận dụng***-* Vận dụng kiến thức về sự chuyển thể của chất giải thích các hiện tượng thực tế | **2TN** | **1/2TL** |  |  |
| Chủ đề 3: Oxygen và không khí | Oxygen |  **Nhận biết**- Biết tính chất vật lí của Oxygen*( Câu 7-TN)*-Nêu được thành phần của không khí*( Câu 8-TN)***Thông hiểu**- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên**Vận dụng**- Tiến hành được thí nghiệm- Trình bày được sự ô nhiễm môi trường**Vận dụng cao**- Vận dụng các kiến thức về bảo vệ môi trường không khí | **2TN** |  |  **1/4TL**  | **1/4TL** |
| Không khí và bảo vệ môi  |
| Chủ đề 6: Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống | - Tế bào- Thực hành quan sát tế bào sinh vật | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào*(Câu 9TN)*- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào(*Câu 10TN)* - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh*.(Câu 11TN)***Thông hiểu:**- Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào*).(Câu 1TL)*- Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).**Vận dụng:**Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. | 3TN | 1TL |  |  |
| Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể  | - Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào-Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào- Thực hành quan sát sinh vật- Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào-Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào- Thực hành quan sát sinh vật | **Thông hiểu:**- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ.- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).**Vận dụng:**- Thực hành:+ Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.**Thông hiểu:**- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ.- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).**Vận dụng:**- Thực hành:+ Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. |  |  |  |  |
| Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống | - Phân loại thế giới sống.- Thực hành xây dựng hóa lưỡng phân  | **Nhận biết:**- Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.(*Câu 12TN)***Thông hiểu:**- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới.- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.**Vận dụng:**Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật*.(Câu 2 TL)* | **1TN** |  | 1TL |  |
|  | - Vi rut- Vi khuẩn- Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu các bước làm sữa chua | **Nhận biết:**Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. (*Câu 13,14TN)***Thông hiểu:**- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.- Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.**Vận dụng:**- Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, …)**Vận dụng cao:**- Biết cách làm sữa chua, ...  | **2TN** |  |  | 1TL |
|  | - Nguyên Sinh vật | **Nhận biết:**Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên*.(Câu 15,16TN)***Thông hiểu:**- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. **Vận dụng:**Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. | **2TN** |  |  |  |
|  |  |  | **16** | **2** | **2+1/4** | **1+3/4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** |  |  | **4,0d****40%** | **3,0d****30%** | **2,0đ****20%** | **1,0đ****10%** |

**TRƯỜNG PT DTNT THCS B ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

 **HUYỆN ĐÀ BẮC Năm học 2022 – 2023**

 **Môn: khoa học tự nhiên – lớp 6**

***Đề chính thức***

 *(thời gian làm bài 90 phút)*

**I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 đ) mỗi câu trả lời đúng 0,25 đ.**

**Câu 1:**Để đo thời gian từ nhà đến trường ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất?

A. Đồng hồ treo tường B. Đồng hồ quả lắc. C. Đồng hồ điện tử D.Đồng hồ cát

**Câu 2:** Nhiệt kế y tế dùng để đo?

A. Nhiệt độ ngoài trời C. Nhiệt độ nước sôi.

B. Nhiệt độ nước lạnh D. Nhiệt độ cơ thể người

**Câu 3:** Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở nước ta hiện nay là?

A. K B. 0F C. 0C D. N

**Câu 4:** Đơn vị của lực là?

A. Kg B. Niu-tơn (N) C. m D. mm

**Câu 5:** Chất được chia thành mấy dạng?

A. 2. B. 3 C. 4 D.5

**Câu 6:** Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất là quá trình nào?

**A.** Sự đông đặc C. Sự nóng chảy

B. Sự bay hơi D. Sự ngưng tụ

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây về Oxygen là không đúng?

A. Oxygen không tan trong nước. C. Oxygen không màu, không mùi.

B. Oxygen cần thiết cho sự sống. D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu.

**Câu 8:** Trong thành phần của không khí Nitrogen chiếm bao nhiêu phần trăm?

A. 21% B.45% C. 60% D.78%

**Câu 9.** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống là?

A. Tế bào B. Mô C. Cơ quan D. Hệ cơ quan

**Câu 10.** Hình dạng của tế bào thần kinh người là gì?

A. Hình cầu B. Hình thoi C. Hình giày D. Hình sao

**Câu 11.** Thành phần nào có trong tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật?

A. Nhân tế bào B. Lục lạp C. Chất tế bào D.Màng tế bào

**Câu 12.** Sinh vật có mấy cách gọi tên?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13** Tác nhân gây bệnh cúm ở người là gì?

A. Virut cúm người B. Trùng kiết lị C. Trùng sốt rét D.Virut khảm

**Câu 14**. Biểu hiện của bệnh tiêu chảy là gì??

A. Ho ra máu, sốt, tức ngực, mệt mỏi C. Sốt, đau đầu, đau họng

B. Buồn nôn, nôn, đau đầu, sốt. D. Đau đầu, chảy máu cam, nôn

**Câu 15** Muỗi Anopheles truyền nhiễm bệnh gì?

A. Bệnh sốt xuất huyết B.Bệnh sốt rét C.Bệnh tiêu chảy D.Bệnh kiết lị

**Câu 16.** Nguyên nhân gây bệnh kiết lị là gì?

A. Trùng kiết lị B. Virut cúm ở người C. Trùng sốt rét D. Virut khảm

**II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1.** *(0,5 điểm)* Bản tin dự báo thời tiết ở Hòa Bình ngày hôm nay nhiệt độ từ 150C đến 250C. Nhiệt độ trên ứng với nhiệt độ nào trong thang nhiệt độ Kelvin? (đổi từ 0C sang 0K).

**Câu 2.** *(1,0 điểm)*

a. Biểu diễn và nêu đặc điểm của lực F1 có phương nằm ngang, chiều từ phải sang phải, độ lớn 4N (tỉ xích tùy chọn)?

b. Nêu các đặc điểm của lực  sau:

**Câu 3.** *(1,5 điểm)*

a. Kể tên 4 chất ở thể rắn, 4 chất ở thể lỏng, 4 chất ở thể khí?

b. Em hãy giải thích vì sao lượng oxygen trong không khí không bị thay đổi? Em hãy thiết kế 1 áp phích ở dạng chữ hoặc tranh để tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường không khí ở quanh mình?

**Câu 4. *(****1,5điểm)*Kể tên các thành phần chính có trong tế bào và chức năng của các thành phần đó?

**Câu 5*.*** *(1,0 điểm)* Xác định khóa lưỡng phân cho các sinh vật sau: Cây hoa hồng, con khỉ, Cá chép, Chim bồ câu?

**Câu 6.** *(0,5điểm)* Trình bày các bước làm sữa chua mà em đã từng làm?

 **Hết**

*Họ và tên học sinh:………………………………………………….số báo danh………………*

SỞ GD & ĐT TỈNH HÒA BÌNH

**TRƯỜNG PT DTNT THCS B HUYỆN ĐÀ BẮC**

**HƯỚNG DẪN CHẤM: ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

### Năm học: 2022 - 2023

### Môn: KHTN 6

**I. TRẮC NGHIỆM**: **(4,0 điểm)** (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU**  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đáp án | C | D | C | B | B | C | A | D | A | D | B | B | A | B | B | A |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **THANG ĐIỂM** |
| **Câu 1**. *(0,5 điểm)* | 150C=2880K250C=2980 | 0,250,25 |
| **Câu 2.** *(1,0 điểm* | a.* Gốc tại vật (điểm A)
* Hướng: cùng với lực tác dụng

+ Chiều từ trái qua phải A+ Phương nằm ngang- Độ lớn 4N- Tỉ xích 1cm=1N+ Vẽ đúng tỉ lệ. + Nêu đúng các đặc điểmb. Các đúng đặc điểm của lực+ Gốc tại vật.+Hướng: Phương hợp với mặt phẳng nằm ngang góc 300, chiều từ trái qua phải.+ Độ lớn 2000N, tỉ xích 1cm=500N | 0,50,250,25 |
| **Câu 3****(1,5điểm)** | a.- 4 tinh thể rắn: Cát, đường, nhôm, nước đá……..-4 tinh thể chất lỏng: Nước, xăng, dầu ăn, cồn….- 4 tinh thể khí: hơi nước, oxygen, cacbon ddiooxxit, nitrogen…b. thể rắn thành lỏng ,lỏng thành khí và ngược lạic. vẽ hoặc viết pa lo tuyên truyền | 0,750,50,25 |
| **Câu 4 (1,5điểm)****Câu 5 (1,0điểm)****Câu 6 (0,5điểm)** | -Các thành phần chính có trong tế bào: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.-Chức năng của các thành phần:+ Màng tế bào: kiểm soát các chất đi vào đi ra khỏi tế bào+Chất tế bào: là nơi diễn ra các hoạt động sống+Nhân tế bào: Điều khiển mọi hoạt động của cơ thế sống* Xây dựng đúng khóa lưỡng phân

-Trình bày được các bước làm sữa chua | 0,50,250,250,51,00,5 |